

**PHỤ LỤC 1**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH  
THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ASEAN – ẤN ĐỘ (AIFTA)**

*(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)*

**1. Đánh giá tổng thể**

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AIFTA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và Ấn Độ.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AIFTA giai đoạn 2022 – 2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Quản lý Ngoại thương.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định AIFTA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

**2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định AIFTA**

Hiệp định AIFTA có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2010. Theo cam kết của Hiệp định, thuế nhập khẩu được cắt giảm đều theo lộ trình, bắt đầu từ năm 2010 và kết

thúc vào năm 2024. Đến năm 2022, mức thuế suất thuế nhập khẩu trung bình toàn biểu là 1,85% và giảm về 1,66% vào năm 2024 cuối lộ trình.

Số liệu giai đoạn 2018 – 2021 cho thấy việc thực hiện Hiệp định AIFTA thời gian qua đã có những tác động tích cực đến giá trị nhập khẩu từ thị trường các nước thực thi hiệp định. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi đặc biệt của năm 2018 là 1% và tăng lên 2% trong cả giai đoạn 2019 – 2021. Kim ngạch nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 – 2021 của khu vực ASEAN - Ấn Độ là khoảng 39,91 tỷ USD. Giai đoạn này, kim ngạch nhập khẩu tăng dần, chỉ duy nhất năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch nên giảm nhẹ xuống 36,79 tỷ USD. Trong năm 2021, Việt Nam nhập khẩu 47,61 tỷ USD từ thị trường AIFTA, chiếm 14% tổng kim ngạch nhập khẩu từ thế giới, ghi nhận tăng 19% từ 37,08 tỷ USD năm 2018. So sánh số liệu nhập khẩu hai năm 2018 và 2021, một số mặt hàng tăng mạnh nhất là mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (1,94 tỷ USD), hạt điều (1,52 tỷ USD), cao su (1,51 tỷ USD), hàng hóa khác (1,5 tỷ), sắt thép các loại (1,4 tỷ),... Bên cạnh đó, cũng có một số mặt hàng giảm nhập khẩu đáng kể như: Xăng dầu các loại (1,6 tỷ USD), Hàng rau quả (550 triệu USD), Điện thoại các loại và linh kiện (462 triệu USD), Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (142 triệu USD), Hàng điện gia dụng và linh kiện (130 triệu USD), Xăng dầu loại khác (104 triệu USD), Sản phẩm từ giấy (83 triệu USD),... Nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ thị trường ASEAN - Ấn Độ gồm:

*Đơn vị: triệu USD*

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2021
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5.638
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	3.265
3	Xăng dầu các loại	2.955
4	Hàng hóa khác	2.870
5	Sắt thép các loại	2.152
6	Ô tô nguyên chiếc các loại	2.122
7	Chất dẻo nguyên liệu	2.038
8	Kim loại thường khác	2.034

Xét về số liệu nhập khẩu theo Giấy chứng nhận xuất xứ của Hiệp định (C/O Mẫu AI), kim ngạch nhập khẩu theo form Mẫu AI trung bình giai đoạn 2018-2021 là 629 triệu USD, tăng dần qua các năm, từ 344 triệu USD năm 2018 tăng 2,3 lần lên 802 triệu USD trong năm 2021. Năm 2021, so với tổng kim ngạch nhập khẩu tỷ

lệ form mẫu AI trung bình đạt 2%. Trong đó, các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tận dụng được ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định như sau:

*Đơn vị: triệu USD*

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2021 hưởng form AIFTA
1	Hàng hóa khác	163
2	Kim loại thường khác	130
3	Giấy các loại	93
4	Than đá	84
5	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	59
6	Hóa chất	39
7	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	36
8	Xơ, sợi dệt các loại	27

Căn cứ thống kê hải quan, số thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam theo form AIFTA giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 512 tỷ đồng, tăng dần qua các năm. Trong đó năm 2018 là 356 tỷ đồng, tăng 92% lên 684 tỷ đồng năm 2021. Như vậy, có thể thấy mặc dù thực hiện cam kết trong AIFTA đồng nghĩa với việc giảm thuế theo lộ trình, tuy nhiên lại giúp thúc đẩy việc nhập khẩu hàng hóa từ thị trường AIFTA và tăng thu thuế nhập khẩu. Chi tiết số thu theo một số nhóm hàng tiêu biểu tại bảng sau:

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nhóm hàng	Thu NK năm 2020	Thu NK năm 2021	Tăng/giảm thu
	<b>Tăng thu</b>			
1	Hàng hóa khác	623.815	505.127	118.687
2	Hàng rau quả	8.233	5.304	2.928
3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	8.202	4.542	3.660
4	Sắt thép loại khác	7.860	6.330	1.529
5	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	5.069	4.757	311
6	Bánh, kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	4.131	2.346	1.785

STT	Nhóm hàng	Thu NK năm 2020	Thu NK năm 2021	Tăng/giảm thu
7	Sản phẩm hóa chất	3.868	2.463	1.405
8	Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	3.510	1.700	1.809
9	Sản phẩm từ sắt thép	2.446	1.884	562
10	Dầu mỡ động thực vật	1.417	192	1.224
	<b>Giảm thu</b>			
1	Chất dẻo nguyên liệu	4.802	11.301	(6.498)
2	Chế phẩm thực phẩm khác	2.254	2.295	(41)
3	Dược phẩm	2.095	2.346	(251)
4	Vải các loại	1.865	2.255	(390)
5	Nguyên phụ liệu dược phẩm	1.315	2.459	(1.144)

Quá trình thực hiện Nghị định 159/NĐ-CP ngày 27/12/2017 không nảy sinh các vấn đề, bất cập. Việc ban hành Nghị định biểu thuế cho giai đoạn tiếp theo cần kế thừa các nội dung đã thể hiện được giá trị thực tế trong thực thi cam kết.

### 3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

- Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Thực tế, có 50 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau. Tuy nhiên, các trường hợp này đều được chuyển đổi theo phương án chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số hoặc tìm ra bản chất tương quan với mã 10 số của AHTN 2017, theo đó đều bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định (chi tiết tại Phụ lục 2).

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 159/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định AFTA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

- Danh mục AHTN 2022 cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới, những thay đổi này mục đích là để phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế giới, kiểm soát

Commented [NTH1]: Bỏ dẫn chiếu do sẽ không trình CP Phụ lục chuyển đổi

hóa chất, vũ khí độc hại... về cơ bản những thay đổi này không ảnh hưởng đến chính sách quản lý thuế hiện hành. Đối với các mặt hàng mới và dòng hàng bị gộp từ nhiều dòng thuế có sự khác biệt về thuế suất và lộ trình cam kết cắt giảm thuế quan, Bộ Tài chính đã rà soát các cam kết gốc và thực hiện theo nguyên tắc chuyển đổi (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Tờ trình Chính phủ) trong quá trình xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Hiệp định AANZFTA giai đoạn 2022 – 2027 theo Danh mục AHTN 2022 để đảm bảo không ảnh hưởng đến thu ngân sách và các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, chính sách quản lý mặt hàng.

Một số nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế AIFTA theo AHTN 2022 là: động vật thân mềm (Nhóm 0307), cây và các bộ phận của cây (Nhóm 1211), thuốc - dược phẩm (nhóm 3004), tấm và phim để tạo ảnh (nhóm 3705), thuốc trừ côn trùng, diệt cỏ và diệt nấm (nhóm 3808), polyme (nhóm 3903), Plastic dạng sợi monofilament (nhóm 3916), lớp bơm hơi bằng cao su chưa qua sử dụng (nhóm 4011), giấy và bìa (nhóm 4811). Trong đó 34/50 dòng thuế theo AHTN 2017 được tách mã 10 số tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất từ năm 2022 do đó khi chuyển sang AHTN 2022 được giữ nguyên thuế suất, 8/50 dòng mã 8 số AHTN 2022 là tương quan 1:1 với mã 10 số theo AHTN 2017, các trường hợp còn lại đều được xử lý theo phươn án tách mã 10 số.

Theo cam kết trong Hiệp định AIFTA, 100% số dòng thuế trong biểu thuế thuộc danh mục thông thường của Việt Nam đạt mức 0% vào 2022. Theo lộ trình cắt giảm thuế quan ASEAN – Ấn Độ, mức thuế suất bình quân dự kiến giảm cho giai đoạn 2022 – 2027 tính trên tổng biểu thuế Nghị định ban hành vào khoảng 1,86% (năm 2022), 1,81% (năm 2023), 1,78% (năm 2024) và 1,67% vào năm 2025 – năm cuối lộ trình cắt giảm của Hiệp định AIFTA.

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, nếu giả định tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định AIFTA là tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu bình quân giai đoạn 2018-2021 (tương đương với 10 %/năm); Tỉ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là 1,75% theo tỷ lệ trung bình thực tế đạt được cho giai đoạn 2018-2021 thì tổng thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam của những nhóm hàng chịu tác động điều chỉnh sẽ giảm không đáng kể.

Tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm./.